

43. DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2015



**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số **284** /QĐ-UBND ngày **02** /02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, bản và tương đương)	Thành phần người có uy tín										Ghi chú
				Nam	Nữ			Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghị hưu	Cán bộ, công chức	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người SXKD giỏi	Thành phần khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số toàn tỉnh	284		282	7			9	30	14	18	3	61	0	7	9	138	
I	Huyện Ngã Năm	5																
*	Xã Tân Long																	
1	Lý Lệnh		1952	x		Khmer	Ấp Long Thành									x		
*	Xã Vĩnh Quới																	
2	Danh Xà Oanh		1968	x		Khmer	Ấp Vĩnh Trung									x		
3	Danh Sê		1953	x		Khmer	Ấp Vĩnh Thanh					x						
4	Lâm Luôi		1958	x		Khmer	Ấp Vĩnh Thành		x									
5	Danh Chên		1941	x		Khmer	Ấp Vĩnh Thuận									x		
II	Huyện Mỹ Tú	20																
*	Xã Phú Mỹ																	
1	Trần Lê		1968	x		Khmer	68 - Phú Tức		x									
2	Triệu Suôi		1949	x		Khmer	411 - Bưng Cốc			x								
3	Son Nay		1938	x		Khmer	Nhà ở Đại Úi						x					
4	Thạch Tiên		1950	x		Khmer	316 - Bắc Dần		x									
5	Lý Diệm		1948	x		Khmer	186 - Sóc Xoài			x								
6	Mã lương Thiện		1966	x		Hoa	08 - Tá Biên			x								
7	Tăng Hứa Hạnh		1948	x		Khmer	141 - Bét Tôn						x					

*	Xã Thuận Hưng																
8	Nguyễn Văn Xinh		1944	x	Khmer	Trà Lây 2						x					
9	Danh Nhứt		1930	x	Khmer	Bố Liên 1		x									
10	Lâm Xiêng		1929	x	Khmer	Bố Liên 2						x					
11	Thạch Sân		1942	x	Khmer	Bố Liên 3						x					
12	Son Siêl		1947	x	Khmer	Tà Ân A2						x					
13	Lâm Sao		1940	x	Khmer	Tà Ân B		x									
14	Lý Minh Phát		1952	x	Khmer	Tà Ân A1						x					
*	Xã Mỹ Thuận																
15	Huỳnh Sương		1953	x	Khmer	Tam Sóc C1										x	
16	Danh Hươl		1949	x	Khmer	Tam Sóc B1						x					
17	Lý Cuôi		1949	x	Khmer	Tam Sóc C2						x					
18	Thạch Thiêm		1956	x	Khmer	Tam Sóc A		x									
19	Lý Siêu		1973	x	Khmer	Tam Sóc B2										x	
20	Son Thọ		1956	x	Khmer	Rạch Rê		x									
III	Huyện Thạnh Trị	32															
*	TT. Phú Lộc																
1	Thạch Ngét		1952	x	Khmer	Ấp Xa Mau II						x					
2	Trần Sà Quy		1964	x	Khmer	Ấp Nàng Rền						x					
3	Quách Leng		1941	x	Hoa	Ấp rẫy Mới						x					
*	TT Hưng Lợi																
4	Lý Hol		1951	x	Khmer	Ấp số 9						x					
5	Trần Huôl		1950	x	Khmer	Ấp Số 8						x					
6	Danh Dương		1953	x	Khmer	Ấp Giồng Chùa						x					
7	Lý Đông		1932	x	Hoa	Ấp Chợ Mới						x					
8	Thạch Sà Rinh		1953	x	Khmer	Ấp Xóm Tro 1										x	
9	Lâm Thanh Tuyền		1957	x	Khmer	Ấp Kinh Ngay 1										x	
10	Kim Thành		1965	x	Khmer	Ấp Chợ cũ										x	

*	Xã Lâm Tân																
11	Lý Phiên	1964	x		Khmer	Áp Kiệt Lập A						x					
12	Danh Phol	1955	x		Khmer	Áp Trung Nhất										x	
13	Sơn Thanh Phong	1960	x		Khmer	Áp Kiệt Lập B										x	
*	Xã Thạnh Tân																
14	Thái Vĩnh Đồng	1956	x		Khmer	Áp Tân Thắng										x	
15	Sơn Sóc Hiên	1946	x		Khmer	Áp Tân Lợi							x				
16	Kim Dol	1944	x		Khmer	Áp A2										x	
17	Lâm Ngọc Việt	1960	x		Khmer	Áp B1										x	
18	Dương Sê Râm	1966	x		Khmer	Áp B2										x	
*	Xã Lâm Kiệt																
19	Tiết Drol	1948	x		Khmer	Áp Kiệt Thắng						x					
20	Thạch És	1938	x		Khmer	Áp Kiệt Lợi						x					
21	Sơn Khiển	1963	x		Khmer	Áp Trà Do										x	
*	Xã Tuân Tức																
22	Thạch Thel	1945	x		Khmer	Áp Trung Bình						x					
23	Sơn Sĩ Tha	1940	x		Khmer	Áp Trung Hòa						x					
24	Trần Cós	1955	x		Khmer	Áp Trung Thống										x	
25	Lâm Hoàn	1945	x		Khmer	Áp Trung Thành										x	
*	Xã Thạnh Trị																
26	Lý Lện	1946	x		Khmer	Áp Tà Điếp C1						x					
27	Lý Lý	1953	x		Khmer	Áp Trương Hiên						x					
28	Sơn Ô	1954	x		Khmer	Áp Rẫy Mới										x	
29	Thạch Sol	1954	x		Khmer	Áp Mây Dóc										x	
*	Xã Châu Hưng																
30	Dương Nhiêu	1950	x		Khmer	Áp Xóm Tro 2										x	
31	Yên Ân	1954	x		Khmer	Áp 23										x	
32	Sơn Mết	1950	x		Khmer	Áp Kinh Ngay 2										x	

IV	Huyện Trần Đề	33															
*	Xã Đại Ân II																
1	Thạch Sanh	1954	x		Khmer	Ấp Lâm Dồ									x		
2	Son Vil	1956	x		Khmer	Ấp Ngan Rô 2					x						
3	Danh Pung	1946	x		Khmer	Ấp Tú Diêm					x						
4	Thạch Suông	1952	x		Khmer	Ấp Chợ					x						
*	TT. Trần Đề																
5	Trà Sét	1947	x		Khmer	Ấp Giồng Chùa					x						
*	Xã Trung Bình																
6	Lý Sang	1965	x		Khmer	Ấp Bưng Lức										x	
*	TT. Lịch Hội Thượng																
7	Lâm Chuôi	1950	x		Khmer	Ấp Giồng Giữa					x						
8	Thạch Soi	1963	x		Khmer	Ấp Hội Trung					x						
9	Trịnh Tuấn	1962	x		Hoa	Ấp Châu Thành									x		
10	Tăng Thị Mao	1941		x	Khmer	Ấp Sóc Lèo B											x
*	Xã Lịch Hội Thượng																
11	Trần Ruol	1956	x		Khmer	Ấp Sóc Lèo											x
12	Trần Sệ	1928	x		Khmer	Ấp Phổ Dưới	x										
*	Xã Liêu Tú																
13	Tăng Kiệt	1952	x		Khmer	Ấp Bưng Buổi	x										
14	Lâm lạnh	1957	x		Khmer	Ấp Bưng Triết					x						
15	Kim Son	1942	x		Khmer	Ấp Đại Nôn					x						
16	Triệu Hện	1957	x		Khmer	Ấp Giồng Chát											x
*	Xã Viên Bình																
17	Thạch Sỏi	1957	x		Khmer	Ấp Trà Ong									x		
18	Thạch Chanh	1950	x		Khmer	Ấp Lao Vên					x						
19	Tăng Hai	1953	x		Khmer	Ấp Đào Viên											x
*	Xã Viên An																

10	Thạch Vui		1956	x	Khmer	Bưng Chum											x	
11	Thạch Sone		1935	x	Khmer	Trà Mệt											x	
12	Lý Niên		1949	x	Khmer	Sô La 2											x	
13	Thái Sơn Lâm		1965	x	Khmer	Cần Giờ 1											x	
14	Hàng An		1939	x	Khmer	Cần Giờ 2											x	
15	Thạch Công		1948	x	Khmer	PhnôCamBốt											x	
*	Xã Thạnh Phú																	
16	Dương Sĩ Thal		1952	x	Khmer	Cần Đước				x								
17	Đào Dol		1937	x	Khmer	Rạch Sên											x	
18	Thạch Phương		1949	x	Khmer	Sóc Bưng											x	
19	Thạch Tươi		1959	x	Khmer	Khu 2											x	
*	Xã Đại Tâm																	
20	Lý Sà Rên		1967	x	Khmer	Chùa Trà Tim Mới						x						
21	Thạch Họn		1953	x	Khmer	Tâm Phước											x	
22	Danh Minh Châu		1971	x	Khmer	Tâm Lộc											x	
23	Trần Hữu Phước		1957	x	Khmer	Tâm Thọ											x	
24	Diệp Tấn Phường		1948	x	Khmer	Đại Chí											x	
25	Hứa Khôn Cảnh		1958	x	Khmer	Đại Thành											x	
26	Chung Kim Hoàng		1959	x	Khmer	Đại Ân			x									
27	Trần Chài Xuôi		1956	x	Khmer	Đại Nghĩa Thắng											x	
VI	Huyện Cù Lao Dung	5																
*	Xã An Thạnh II																	
1	Nhan Văn Đen		1956	x	Khmer	187 - Sơn Ton											x	
2	Sơn Ngọc Thô		1947	x	Khmer	85 - Bình Danh B				x								
*	Xã An Thạnh III																	
3	Lâm Bô		1972	x	Khmer	145 - An Quới											x	
4	Thạch Cường		1961	x	Khmer	248 - An Nghiệp A										x		
*	Xã An Thạnh Nam																	

5	Thạch Lãnh		1952	x		Khmer	235 - Võ Thành Văn				x						
VII	Huyện Kế Sách	12															
*	Xã Kế Thành																
1	Lý Nghĩa		1947	x		Khmer	Bồ đề				x						
2	Lâm Công		1962	x		Khmer	Bưng túc									x	
3	Sơn Anh Minh		1939	x		Khmer	Cây sộp				x						
4	Kim Thị Suôi		1935		x	Khmer	Ba lằng									x	
*	Xã An Mỹ																
5	Sơn Sỏi		1952	x		Khmer	An nghiệp				x						
*	Xã Thới An Hội																
6	Châu Pho		1950	x		Khmer	An Nhơn									x	
7	Sơn Huôi		1944	x		Khmer	An Hoà					x					
*	TT. Kế Sách																
8	Lý Hới		1949	x		Khmer	An Định									x	
9	Sơn Del		1960	x		Khmer	An Thành									x	
10	Thạch Bích		1953	x		Khmer	An Khương									x	
11	Lâm Cát		1953	x		Khmer	An Ninh 1									x	
12	Lâm Lợi		1953	x		Khmer	An Phú									x	
VIII	TP. Sóc Trăng	35															
*	Phường 1																
1	Lý Văn Long		1957	x		Hoa	Số 29 Nguyễn Văn Trỗi K1									x	
2	Hồ Bạch Tuyết		1952		x	Hoa	Số 15 Ngô Quyền K2				x						
3	Lâm Minh		1943	x		Khmer	Số 93/4 Xô Viết Nghệ Tĩnh K3									x	
4	Trần Quốc Hùng		1945	x		Hoa	Số 32 Lý Thường Kiệt K4									x	
*	Phường 2																
5	Thạch Ma Ra		1952	x		Khmer	Số 181 Dương Kỳ Hiệp K7									x	

*	Phường 3																	
6	Lâm Kim Yến		1953	x		Khmer	Số 327/12 Văn Ngọc Chính K9											x
*	Phường 4																	
7	Mạch Thế Hùng		1958	x		Hoa	Số 13 Nguyễn Đình Chiểu K1			x								
8	Thạch Khanh		1963	x		Khmer	Số 385 Khu 5A K4			x								
9	Trần Ngoán		1962	x		Hoa	Số 745 Lý Thường Kiệt K6			x								
*	Phường 5																	
10	Nhan Phú Quyến		1939	x		Hoa	Số 109 Tôn Đức Thắng K1											x
11	Kim Lý		1951	x		Khmer	Số 486 Tôn Đức Thắng K2					x						
12	Kim Thị Ngọc		1945		x	Kinh	Số 684/23 Tôn Đức Thắng K3					x						
13	Lâm Nhanh		1956	x		Khmer	Số 105 Lương Đình Cửa K4											x
14	Lâm Mười		1956	x		Khmer	Số 172/3 Chông Chác K5											x
*	Phường 6																	
15	Huỳnh Minh		1945	x		Hoa	Số 105 Lê Lợi, K4											x
16	Thạch Sơn		1939	x		Khmer	Số 4/29 Nguyễn Chí Thanh K5											x
17	Quách Thành		1937	x		Hoa	Số 68 Yết Kêu, K2											x
18	Kim Anne		1934	x		Khmer	109/32 Trần Quốc Toản, K6											x
*	Phường 7																	
19	Trịnh Hòa Bình		1954	x		Hoa	Số 170/42 Quốc Lộ I K1											x
20	Sơn Hiên		1945	x		Khmer	Số 54/1/6, quốc lộ I, K2											x
21	Trần Dễn		1934	x		Hoa	Số 167 Sóc Vồ K3											x
22	Điền Sinh		1950	x		Khmer	Số 245 Sóc Vồ K4											x

23	Thạch Luông		1958	x	Khmer	Số 310 Xà Lan K5												X	
24	Ngô Khel		1945	x	Khmer	Số 365 Xà Lan K6												X	
*	Phường 8																		
25	Trần Tấn Phát		1948	x	Hoa	Số 77 Trần Văn Hòa K2												X	
26	Cao Cal		1950	x	Khmer	Số 245/1L Kênh Xáng K4												X	
27	Son Monyciel		1949	x	Khmer	Số 13/3 Cao Thắng K5												X	
	Phường 9																		
28	Nhâm Trung		1940	x	Hoa	Số 42 Nguyễn Du K1												X	
29	Triệu Khâm		1955	x	Hoa	Số 500 Nguyễn Huệ K2												X	
30	Dương Phol		1963	x	Khmer	Số 1025/2 đường 30/4 K5												X	
31	Thạch Sơn		1961	x	Khmer	Số 826/12 Mạc Đĩnh Chi K6												X	
*	Phường 10																		
32	Lâm Qui		1953	x	Khmer	Số 909A Trần Hưng Đạo K1												X	
33	Huỳnh Sệp		1939	x	Khmer	Số 1013 Trần Hưng Đạo K1												X	
34	Lâm Hiên		1940	x	Khmer	Số 962/3/64 Quốc Lộ I K3												X	
35	Thạch Bươl		1952	x	Khmer	Số 1194/14 Quốc Lộ I K2												X	
IX	TX. Vĩnh Châu	66																	
*	Phường 1																		
1	Trần Mai		1964	x	Khmer	193/191-Khóm 1							X						
2	Triệu Khánh Chúc		1962	x	Hoa	Khóm 2			X										
3	Châu Học Quang		1961	x	Hoa	37A-Khóm 3							X						
4	Ong Thành Ký		1964	x	Hoa	113A/194 - Khóm 4			X										
5	Tăng Trung		1976	x	Khmer	64 - Khóm 5							X						



6	Lâm Sang	1964	x	Khmer	175/1 - Khóm 6	x											
7	Trần Văn Tánh	1964	x	Hoa	55 - Khóm 7	x											
*	Xã Vĩnh Hải																
8	Son Vi Tha	1982	x	Khmer	Ấp Vĩnh Thạnh B					x							
9	Dương Miêl	1943	x	Khmer	Ấp Âu Thọ B		x										
10	Thạch Suol	1946	x	Khmer	Ấp Giồng Nổi		x										
11	Trà Sẻ	1940	x	Khmer	Ấp Âu Thọ A		x										
12	Lưu Ốp	1927	x	Hoa	221-Ấp Vĩnh Thạnh A					x							
13	Lâm Thương	1951	x	Khmer	Ấp Trà Sết		x										
*	Xã Vĩnh Hiệp																
14	Trần Công Phán	1951	x	Hoa	6-Ấp Đặng Văn Đông	x											
15	Thạch Luân	1959	x	Khmer	Ấp Tân Thạnh A											x	
*	Phường 2																
16	Thạch Miêl	1979	x	Khmer	Khóm Soài Côn					x							
17	Lâm Sung	1947	x	Khmer	88 - Khóm Đại Rụng	x											
18	Ngô Văn Chên	1930	x	Hoa	21 - Khóm Giồng Me	x											
19	Thạch Chuol	1950	x	Khmer	Khóm Vĩnh Trung											x	
20	Kim Vong	1956	x	Khmer	274 - Khóm Sân Chim					x							
21	Đình Thương	1929	x	Khmer	169-Khóm Cà Lãng B	x											
22	Son Thái Nine	1952	x	Khmer	Khóm Vĩnh Bình				x								
23	Thạch An Ghi	1947	x	Khmer	352 - Khóm Vĩnh An	x											
24	Lâm Văn Khên	1942	x	Hoa	305-Khóm Cà Lãng A	x											
25	Thạch Niu	1941	x	Khmer	437-Khóm Cà Lãng A Biển					x							
26	Thạch Dân	1950	x	Khmer	661 - Khóm Cà Săng	x											
*	Phường Khánh Hòa																
27	Tăng Duôl	1956	x	Khmer	30 - Khóm Bưng Tum	x											
28	Kim Phương	1952	x	Khmer	64 - Khóm Kinh Mới Sóc					x							

29	Trần Lai	1950	x	Khmer	Khóm Lầm Thiết	x											
*	Phường Vĩnh Phước																
30	Đào Sặng	1926	x	Khmer	119-Khóm Wath Pích						x						
31	Danh Phụng Long	1958	x	Khmer	Khóm Vĩnh Thành						x						
32	Thạch Mên	1952	x	Khmer	123 - Khóm Sờ Tại A				x								
33	Lâm Thi	1937	x	Khmer	14 - Khóm Xèo Me								x				
34	Lâm Điều	1961	x	Khmer	74 - Khóm Sờ Tại B	x											
35	Nguyễn Chấn Xuyên	1940	x	Hoa	476 - Khóm Biển Dưới	x											
36	Lý Tử Đạt	1941	x	Hoa	150-Khóm Biển Trên	x											
37	Thạch Thuol	1950	x	Khmer	Khóm Biển Trên A	x											
*	Xã Lai Hòa																
38	Trần Văn Hương	1949	x	Khmer	75 - Ấp Xèo Su						x						
39	Ngô Sêm	1938	x	Khmer	Ấp Xung Thum A						x						
40	Lý Tha	1963	x	Khmer	Ấp Hòa Hiệp						x						
41	Nghiêm sang	1947	x	Khmer	Ấp Pray Chóp B						x						
42	Tăng Chương	1938	x	Khmer	48 - Ấp Xung Thum B						x						
43	Đào Hên	1946	x	Khmer	04 - Ấp Pray Chóp			x									
44	Thạch Váth	1952	x	Khmer	Ấp Lai Hòa A						x						
45	Lâm Bông	1949	x	Khmer	184 - Ấp Xèo Cóc			x									
46	Thạch Buôl	1963	x	Khmer	60 - Ấp Pray Chóp A						x						
47	Thạch Dối	1963	x	Khmer	Ấp Lai Hòa						x						
*	Xã Vĩnh Tân																
48	Thạch Sol	1952	x	Khmer	Ấp Trà VônA						x						
49	Kim Sà Lách	1952	x	Khmer	Ấp Trà Vôn B	x											
50	Sơn Sít	1955	x	Khmer	Ấp Tham Chu						x						
51	Tăng Vương	1937	x	Khmer	Ấp Nô Puôl	x											
52	Tăng Suol	1942	x	Khmer	Ấp Tân Nam	x											
53	Dương Hiêm	1940	x	Khmer	50 - Ấp Nô Thum						x						

*	Xã Lạc Hòa																
54	Huỳnh Lức		1965	x		Khmer	86 - Ấp Đại Bái									x	
55	Hàng Đình		1948	x		Khmer	137 - Ấp Đại Bái A					x					
56	Lai Tura		1951	x		Khmer	151 - Ấp Lèn Buối		x								
57	Lai Thành Ní		1948	x		Hoa	Ấp Vĩnh Biên									x	
58	Tăng Duyên		1947	x		Khmer	198 - Ấp Ca Lạc				x						
59	Huỳnh Văn Hưng		1942	x		Hoa	110 - Ấp Ca Lạc A		x								
60	Ong Xền Ua		1947	x		Hoa	Ấp Hòa Nam										x
61	Dương Khôn		1946	x		Khmer	148 - Ấp Hòa Thành				x						
*	Xã Hòa Đông																
62	Tăng Văn Tuổi		1949	x		Hoa	Ấp Càng Buối				x						
63	Tăng Minh Hồ		1937	x		Khmer	Ấp Lầm Thiết				x						
64	Kim Sệp		1950	x		Khmer	153 - Ấp Hòa Khởi					x					
65	Tăng xà Rọt		1964	x		Khmer	Ấp Trà Teo					x					
66	Thạch Sang		1952	x		Khmer	Ấp Nô Tôm				x						
X	Huyện Long Phú	20															
*	Xã Tân Hưng																
1	Tăng Phương		1961	x		Khmer	Ấp Tân Qui A	x									
2	Lâm Soi		1961	x		Khmer	Ấp Tân Qui B										x
3	Thạch Thành Tâm		1974	x		Khmer	Ấp Ko Kô										x
4	Lâm Phel		1954	x		Khmer	Ấp Tân Lịch										x
*	TT. Long Phú																
5	Lưu Mậu Long		1955	x		Hoa	Ấp 4									x	
6	Kim Sang		1964	x		Khmer	Ấp Khoan Tang										x
*	Xã Long Phú																
7	Dương Thùy Linh		1955	x		Khmer	Ấp Tân Lập										x
8	Tăng Ngọc Đánh		1947	x		Khmer	Ấp Sóc Mới										x
9	Trần Dết		1957	x		Khmer	Ấp Bưng Long										x

12	Sơn Hoàng		1970	x		Kh	Ấp Trà Quýt A											x	
13	Dương Văn Tha		1966	x		Khmer	Ấp Xây Cáp											x	
14	Thạch Bòl		1938	x		Khmer	Ấp xây Đá											x	
*	Xã An Hiệp																		
15	Trang Chênh		1949	x		Khmer	Ấp Giồng Chùa A											x	
16	Trịnh Bênh		1957	x		Khmer	Ấp Giồng Chùa B											x	
17	Thao Tô Dê		1950	x		Khmer	Ấp An Trạch											x	
18	Sơn Khenne		1948	x		Khmer	Ấp Phụng Hiệp											x	
19	Danh Minh Chẹo		1949	x		Khmer	Ấp Bưng Tróp A											x	
20	Thạch Nuôi		1958	x		Khmer	Ấp Bưng Tróp B											x	
*	Xã Phú Tân																		
21	Lâm Lượng		1935	x		Khmer	Ấp Phước Lợi											x	
22	Từ Đức Thành		1958	x		Khmer	Ấp Phước An											x	
23	Thạch Công		1950	x		Khmer	Ấp Phước Hòa											x	
24	Lý Huôi		1940	x		Khmer	Ấp Phước Thuận											x	
25	Thạch Thanh Vũ		1948	x		Khmer	Ấp Phước Quới											x	
26	Kiểm Hoàng Minh		1957	x		Khmer	Ấp Phước Phong											x	
*	Xã Hồ Đắc Kien																		
27	Thạch Thị Quan		1953		x	Khmer	Ấp Xây Đá B											x	
28	Lâm De		1952	x		Khmer	Ấp Kinh Đào											x	
*	Xã An Ninh																		
29	Thạch Lượm		1957	x		Khmer	Ấp Phú Ninh A											x	
30	Lâm Chel		1942	x		Khmer	Ấp Phú Ninh											x	
31	Thạch Liêu		1957	x		Khmer	Ấp Xà Lan											x	
32	Thạch Thị Khanh		1938		x	Khmer	Ấp Chông Nô											x	
33	Huỳnh Hữu Rinh		1951	x		Khmer	Ấp Hòa Quới											x	
34	Lý Sách		1956	x		Khmer	Ấp Kinh Mới											x	



**DANH SÁCH BỔ SUNG NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số **931** /QĐ-UBND ngày **22** / 4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, bản và tương đương)	Thành phần NCUT										Ghi chú
				Nam	Nữ			Già làng	Trưởng đồng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Cán bộ, công chức	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số toàn tỉnh	55		53	2			1	1		3	2	3			12	33	
I	Huyện Ngã Năm	2																
*	Xã Vĩnh Quới																	
1	Danh Tục		1952	x		Khmer	Ấp Vĩnh Thuận									x		
2	Danh Liêm		1947	x		Khmer	Ấp Vĩnh Đồng									x		
II	Huyện Mỹ Tú	2																
*	Xã Mỹ Thuận																	
1	Danh Khil		1963	x		Khmer	Tam Sóc D1										x	
*	Xã Thuận Hưng																	
2	Triệu Suối		1932	x		Khmer	Ấp Trà Lây 1		x									
III	Huyện Thạnh Trị	2																
*	TT. Phú Lộc																	
1	Tô Thanh Quang		1954	x		Hoa	Ấp 1										x	
*	Xã Tuân Tức																	
2	Lý Quýt		1947	x		Khmer	Ấp Trung Thành						x					
IV	Huyện Trần Đề	5																
*	Xã Đại Ân II																	



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Khru Tưng		1948	X		Hoa	Ấp Chợ									x		
*	TT. Trần Đề																	
2	Kim Sinh		1956	X		Khmer	Ấp Đầu Giồng						x					
*	Xã Trung Bình																	
3	Lý Siêl		1957	X		Khmer	Ấp Mỏ Ó										x	
*	Xã Lịch Hội Thượng																	
4	Trần Pho		1956	X		Khmer	Ấp Sóc Lèo						x					
*	Xã Tài Văn																	
5	La Suội		1942	X		Khmer	Ấp Bung Cà Pốt (Khu A)	x										
V	Huyện Mỹ Xuyên	10																
*	TT. Mỹ Xuyên																	
1	Tất Minh Kỳ		1962	x		Hoa	Ấp Châu Thành									x		
2	Triệu Thành		1951	x		Hoa	Ấp Vĩnh Xuyên									x		
3	Hứa Xuyên		1956	x		Khmer	Ấp Chợ Cũ										x	
4	Châu Quý Phát		1947	x		Hoa	Ấp Thạnh Lợi									x		
*	Xã Tham Đôn																	
5	Trương Vũ Thanh		1955	x		Hoa	Ấp Trà Bết										x	
6	Vương Thị Hoa		1954		x	Hoa	Ấp Vững Đùng										x	
*	Xã Thạnh Phú																	
7	Mai Ương		1966	x		Khmer	Ấp Khu 2										x	
8	Triệu Xăng Đông		1953	x		Khmer	Ấp Cần Đước										x	
9	Võ Thị Cát		1949		x	Khmer	Ấp Rạch Sên										x	
10	Thạch Sô Pha		1957	x		Khmer	Ấp Rạch Sên										x	
VI	Huyện Kế Sách	4																
*	Xã Trinh Phú																	
1	Cao O		1978	x		Khmer	Ấp 9										x	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Sơn Hươl		1954	x		Khmer	Ấp 1										x	
*	Xã Đại Hải																	
3	Lý Kil		1953	x		Khmer	Ấp Nam Hải										x	
*	TT. Kế Sách																	
4	Thạch Danh		1956	x		Khmer	An Ninh 2										x	
VII	TP. Sóc Trăng	12																
*	Phường 2																	
1	Triệu Sứ		1952	x		Khmer	Số 367/15 Nguyễn Văn Linh Khóm 2										x	
2	Dương Phương		1950	x		Khmer	Số 699/23 Quốc Lộ I Khóm 3										x	
3	Sơn Xinh		1961	x		Khmer	Số 94/78 Sương Nguyệt Ánh Khóm 4										x	
*	Phường 3																	
4	Kim Luol		1952	x		Khmer	Số 169/39 Trần Văn Bảy Khóm 5				x							
*	Phường 4																	
5	Quách Ngọc Lợi		1956		x	Hoa	Số 336/12 Lý Thường Kiệt Khóm 2					x						
6	Châu Văn Hên		1948	x		Hoa	Số 372 Lý Thường Kiệt Khóm 3										x	
7	Trần Văn Tuyết		1970	x		Khmer	Số 66/4 Bạch Đằng Khóm 5										x	
*	Phường 6																	
8	Sơn Thị Sáu		1949		x	Khmer	Số 124 Điện Biên Phủ Khóm 3										x	
*	Phường 8																	
9	Trần Thuận Hòa		1964	x		Hoa	Số 02 Đặng Văn Viễn Khóm 1										x	
10	Sơn Hiệp Nguyên		1964	x		Khmer	Số 559 Phạm Hùng Khóm 3										x	



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
11	Lý Xi Pha (Phal)		1962	x		Khmer	Số 689/21 Phạm Hùng Khóm 7										x	
*	Phường 9																	
12	Đặng Quang Trung		1942	x		Hoa	Số 64/4 Mai Thanh Thế Khóm 3					x						
VIII	TX. Vĩnh Châu	3																
*	Phường Vĩnh Phước																	
1	Thạch Phêl		1960	x		Khmer	Ấp Đại Trị										x	
*	Xã Vĩnh Tân																	
2	Son Ninh		1962	x		Khmer	Ấp Tân Trà										x	
*	Xã Lạc Hòa																	
3	Son Hưng		1959	x		Khmer	Ấp Tân Thời										x	
IX	Huyện Long Phú	15																
*	Xã Tân Hưng																	
1	Kim Lộc		1956	x		Khmer	Ấp Ko Kô										x	
2	Lâm Hoàng		1972	x		Khmer	Ấp Ko Kô										x	
3	Lý Lai		1952	x		Khmer	Ấp Tân Qui A				x							
4	Trần Văn Đuọc		1966	x		Khmer	Ấp Tân Qui B										x	BQT
5	Lý Khiêm		1946	x		Khmer	Ấp Tân Lịch										x	
*	Xã Long Phú																	
6	Son Kên		1964	x		Khmer	Ấp Bung Long										x	
7	Lâm Kinh		1962	x		Khmer	Ấp Bung Thum										x	BQT
8	Lâm Sông		1938	x		Khmer	Ấp Kinh Ngang										x	BQT
9	Kim Mỹ		1966	x		Khmer	Ấp Phú Đức										x	
10	Lâm Phách		1946	x		Khmer	Ấp Sóc Mới										x	BQT
11	Huỳnh Văn Nương		1956	x		Khmer	Ấp Nước Mặn I										x	
*	Thị trấn Đại Ngãi																	
12	Đặng Hữu Thọ		1960	x		Hoa	Ấp Ngãi Hội I										x	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
*	Thị trấn Long Phú																	
13	Huỳnh Nô		1951	x		Khmer	Ấp Khoan Tang				x							
*	Xã Trường Khánh																	
14	Chao Diêu		1942	x		Khmer	Ấp Trường Bình										x	
15	Đào Khuôl		1960	x		Khmer	Trường Thành B										x	

SỞC TR